

Bảng Tính Lịch Trình Cấp Dưỡng Con Của Tiểu Bang Washington

[] Đề xuất bởi [] (tên) _____, [] Tiểu Bang WA (CSWP)
 Hoặc, [] Ký bởi Thẩm Phán/Viên Chức Tái Xét (CSW).

Quận _____ **Hồ Sơ Số:** _____

(Các) Con và Tuổi: _____

Tên phụ huynh: _____

	(Cột 1)	(Cột 2)
	Cột 1	Cột 2
Phần I: Thu Nhập (xem Hướng Dẫn, trang 8)		
1. Thu Nhập Gộp Hàng Tháng (trước thuế & khấu trừ)		
a. Tiền Công và Tiền Lương	\$	\$
b. Thu Nhập Từ Lãi và Cổ Tức	\$	\$
c. Thu Nhập Kinh Doanh	\$	\$
d. Khoản Cấp Dưỡng Nhận Được	\$	\$
e. Thu Nhập Khác	\$	\$
f. Thu Nhập Ước Tính	\$	\$
g. Tổng Thu Nhập Gộp Hàng Tháng (trước thuế & khấu trừ) (cộng từ dòng 1a đến 1f)	\$	\$
2. Các Khoản Khấu Trừ Hàng Tháng từ Thu Nhập Gộp (trước thuế &		
a. Thuế Thu Nhập (Liên Bang và Tiểu Bang)	\$	\$
b. FICA (An Sinh Xã Hội + Medicare)/Thuế Tự Doanh	\$	\$
c. Khoản Khấu Trừ Bắt Buộc Theo Quy Định Tiểu Bang (phí bảo hiểm tiểu bang thực sự đã trả, chương trình nghỉ phép ốm và gia đình được trả lương và chương trình quỹ hỗ trợ và dịch vụ dài hạn)	\$	\$
d. Khoản Khấu Trừ Bảo Hiểm Lao Động Của Tiểu Bang	\$	\$
e. Phí Công Đoàn/Phí Nghề Nghiệp Bắt Buộc	\$	\$
f. Khoản Đóng Góp Quỹ Hưu Trí Bắt Buộc	\$	\$
g. Khoản Đóng Góp Hưu Trí Tự Nguyện:	\$	\$
h. Khoản Cấp Dưỡng Đã Trả	\$	\$
i. Chi Phí Kinh Doanh Thông Thường	\$	\$
j. Tổng Khấu Trừ Từ Thu Nhập Gộp (trước thuế & khấu trừ) (cộng từ dòng 2a đến 2i):	\$	\$
3. Thu Nhập Ròng Hàng Tháng (sau thuế & khấu trừ) (dòng 1g trừ 2j)	\$	\$
4. Thu Nhập Ròng Hàng Tháng Kết Hợp (sau thuế & khấu trừ) (cộng thu nhập ròng của cả hai phụ huynh từ dòng 3)		\$

	Cột 1	Cột 2
5. Nghĩa Vụ Cấp Dưỡng Con Cơ Bản Số con: _____ x \$ _____ cho mỗi con (nhập tổng số tiền vào ô →)	\$	
6. Tỷ Lệ Chia Theo Thu Nhập (chia dòng 3 cho dòng 4 của mỗi phụ huynh)	.	.
Phần II: Nghĩa Vụ Cấp Dưỡng Con Cơ Bản (xem Hướng Dẫn, trang 10)		
7. Nghĩa Vụ Cấp Dưỡng Con Cơ Bản Của Mỗi Phụ Huynh không tính đến các hạn chế thu nhập thấp. (Nhập mỗi số ở dòng 6 với dòng 5.)	\$	\$
8. Tính các hạn chế thu nhập thấp: Chỉ điền vào các mục thích hợp.		
Khoản Dự Trữ Nuôi Bần Thân: (180% mức nghèo do liên bang ấn định cho gia đình một người.)	\$	
a. <u>Thu Nhập Ròng Kết Hợp Có Ít Hơn \$2.200 Không? Nếu có</u> , đối với mỗi phụ huynh, hãy nhập số tiền giả định \$50 cho mỗi con .	\$	\$
b. <u>Thu Nhập Ròng Hàng Tháng Có Ít Hơn Khoản Dự Trữ Tự Nuôi Bần Thân Không? Nếu có</u> , đối với phụ huynh đó, hãy nhập số tiền giả định \$50 cho mỗi con .	\$	\$
c. <u>Thu Nhập Ròng Hàng Tháng Có Bằng hoặc Nhiều Hơn Khoản Dự Trữ Tự Nuôi Bần Thân Không? Nếu có</u> , đối với mỗi phụ huynh, hãy lấy dòng 3 trừ khoản dự trữ tự nuôi bần thân. Nếu số tiền đó ít hơn dòng 7, hãy nhập số tiền đó hoặc số tiền giả định \$50 cho mỗi con, tùy theo số tiền nào nhiều hơn.	\$	\$
d. <u>Có Bất Kỳ Con Ruột hay Con Hợp Pháp Nào Không? Nếu có</u> , đối với mỗi phụ huynh, lấy số tiền ở dòng 3 trừ đi mức dự phòng tự nuôi sống bản thân rồi chia kết quả cho tổng số con ruột hoặc con hợp pháp mà mỗi phụ huynh có. Nhập số tiền đó với số con liên quan đến hồ sơ này. Nhập số tiền đó hoặc ghi mức mặc định là \$50 cho mỗi trẻ trong vụ việc này , tùy theo mức nào nhiều hơn.	\$	\$
9. Nghĩa vụ cấp dưỡng con cơ bản của mỗi phụ huynh sau khi tính các hạn chế có thể áp dụng. Đối với mỗi phụ huynh, hãy nhập số tiền ít nhất từ dòng 7, 8a – 8d, nhưng không ít hơn số tiền giả định \$50 cho mỗi con.	\$	\$
Phần III: Chi Phí Chăm Sóc Sức Khỏe, Giữ Trẻ và Nuôi Dạy Trẻ Đặc Biệt (xem Hướng Dẫn, trang 11)		
10. Chi Phí Chăm Sóc Sức Khỏe		
a. Phí Bảo Hiểm Y Tế Hàng Tháng Đã Chi Trả Cho (Các) Con	\$	\$
b. Chi Phí Chăm Sóc Sức Khỏe Hàng Tháng Không Có Bảo Hiểm Được Chi Trả Cho (Các) Con	\$	\$
c. Tổng Chi Phí Chăm Sóc Sức Khỏe Hàng Tháng (dòng 10a cộng dòng 10b)	\$	\$
d. Chi Phí Chăm Sóc Sức Khỏe Hàng Tháng Kết Hợp (cộng các tổng số của cả hai phụ huynh từ dòng 10c)	\$	
11. Chi Phí Giữ Trẻ và Đặc Biệt		
a. Chi Phí Giữ Trẻ	\$	\$
b. Chi Phí Giáo Dục	\$	\$
c. Chi Phí Vận Chuyển Đường Dài	\$	\$
d. Chi Phí Đặc Biệt Khác (mô tả)	\$	\$
	\$	\$
	\$	\$

	Cột 1	Cột 2
e. Tổng Chi Phí Giữ Trẻ và Đặc Biệt (cộng từ dòng 11a đến 11d)	\$	\$
12. Tổng Chi Phí Giữ Trẻ và Đặc Biệt Hàng Tháng Kết Hợp (cộng các chi phí giữ trẻ và đặc biệt của cả hai phụ huynh từ dòng 11e)	\$	
13. Tổng Chi Phí Chăm Sóc Sức Khỏe, Giữ Trẻ và Đặc Biệt (dòng 10d cộng dòng 12)	\$	
14. Nghĩa Vụ Của Mỗi Phụ Huynh về Chi Phí Chăm Sóc Sức Khỏe, Giữ Trẻ Và Đặc Biệt (nhân mỗi số ở dòng 6 với dòng 13)	\$	\$
Phần IV: Tổng Nghĩa Vụ Cấp Dưỡng Con Cơ Bản (trước thuế & khấu trừ)		
15. Tổng Nghĩa Vụ Cấp Dưỡng Con (trước thuế & khấu trừ) (dòng 9 cộng dòng 14)	\$	\$
Phần V: Khoản Tín Dụng Cấp Dưỡng Con (xem Hướng Dẫn, trang 12)		
16. Khoản Tín Dụng Cấp Dưỡng Con		
a. Khoản Tín Dụng Chi Phí Chăm Sóc Sức Khỏe Hàng Tháng	\$	\$
b. Khoản Tín Dụng Chi Phí Giữ Trẻ và Đặc Biệt	\$	\$
c. Khoản Tín Dụng Chi Phí Thông Thường Khác (mô tả)		
	\$	\$
d. Tổng Các Khoản Tín Dụng Cấp Dưỡng (cộng từ dòng 16a đến 16c)	\$	\$
Phần VI: Cách Tính Chuẩn/Khoản Chi Trả Chuyển Giao Giả Định (xem Hướng Dẫn, trang 12)		
17. Cách Tính Chuẩn (dòng 15 cộng dòng 16d hoặc \$50 cho mỗi con, tùy theo số tiền nào nhiều hơn)	\$	\$
Phần VII: Cách Tính Thông Tin Bổ Sung		
18. 45% thu nhập ròng (sau thuế & khấu trừ) của mỗi phụ huynh từ dòng 3 (.45 x số tiền từ dòng 3 của mỗi phụ huynh)	\$	\$
19. 25% thu nhập ròng (sau thuế & khấu trừ) của mỗi phụ huynh từ dòng 9 (.25 x số tiền từ dòng 9 của mỗi phụ huynh)	\$	\$
Phần VIII: Các Yếu Tố Bổ Sung Cần Xem Xét (xem Hướng Dẫn, trang 12)		
20. Tài Sản Của Hộ Gia Đình (Liệt kê giá trị hiện tại được ước tính về tài sản của hộ gia đình.)		
a. Bất Động Sản	\$	\$
b. Khoản Đầu Tư	\$	\$
c. Xe Cộ và Tàu Thuyền	\$	\$
d. Tài Khoản Ngân Hàng và Tiền Mặt	\$	\$
e. Tài Khoản Hưu Trí	\$	\$
f. Khác (mô tả)	\$	\$
	\$	\$
21. Nợ Của Hộ Gia Đình (Liệt kê số tiền thế chấp đối với tài sản thuộc sở hữu của hộ gia đình, khoản nợ bất thường.)		
	\$	\$
	\$	\$
	\$	\$
	\$	\$

	Cột 1	Cột 2
	\$	\$
22. Thu Nhập Khác Của Hộ Gia Đình		
a. Thu Nhập Của Vợ/Chồng hoặc Bạn Đời Hiện Tại (nếu không phải phụ huynh còn lại trong vụ việc này) Tên _____ Tên _____	\$ \$	\$ \$
b. Thu Nhập của Những Người Lớn Khác trong Hộ Gia Đình Tên _____ Tên _____	\$ \$	\$ \$
c. Thu nhập gộp (trước thuế & khấu trừ) từ làm việc ngoài giờ hoặc từ công việc thứ hai mà bên đang yêu cầu tòa án loại trừ theo Hướng Dẫn, trang 8 _____	\$	\$
d. Thu Nhập của (Các) Con (nếu được xem là bất thường) Tên _____ Tên _____	\$ \$	\$ \$
e. Thu Nhập từ Cấp Dưỡng Con Tên _____ Tên _____	\$ \$	\$ \$
f. Thu Nhập từ Các Chương Trình Trợ Cấp Chương Trình _____ Chương Trình _____	\$ \$	\$ \$
g. Thu Nhập Khác (mô tả) _____ _____	\$ \$	\$ \$
23. Thu Nhập Không Thường Xuyên (mô tả) _____ _____	\$ \$	\$ \$
24. Cấp Dưỡng Con Hàng Tháng Theo Lệnh cho Các Con Khác.		
Tên/tuổi: _____ Đã chi trả [] Có [] Không	\$	\$
Tên/tuổi: _____ Đã chi trả [] Có [] Không	\$	\$
Tên/tuổi: _____ Đã chi trả [] Có [] Không	\$	\$
25. (Các) Con Khác Đang Sống trong Mỗi Hộ Gia Đình		
((Các) Tên và tuổi)		

26. Các Yếu Tố Khác Cần Xem Xét (kèm thêm giấy nếu cần)

[illegible]

Chữ Ký và Ngày

Tôi cam kết dưới mọi hình phạt khai man theo các luật lệ của tiểu bang Washington rằng thông tin được cung cấp trong các Bảng Tính này là hoàn toàn đúng sự thật.

Chữ Ký Phụ Huynh (Cột 1)

Chữ Ký Phụ Huynh (Cột 2)

Ngày

Thành Phố

Ngày

Thành Phố

Thẩm Phán/Viên Chức Tái Xét

Ngày

Bảng tính này đã được Văn Phòng Hành Chính Tòa Án Tiểu Bang Washington chứng nhận.

Được phép sao chép bảng tính này.